

Bản án số: **35/2018/DS-ST**

Ngày: **23/7/2018**

V/v T/C Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trịnh Lệ Thúy**

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Xương**

2. Bà **Tăng Thị Bạch Vân**

Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Minh Chánh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Ông **Lâm Thanh Dũng** – Kiểm sát viên

Trong ngày 23/7/2018, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 198/2017/TLST-DS ngày 21/12/2017 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2018/QĐXXST-DS ngày 05/6/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2018/QĐST – DS, ngày 29/6/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1937 (có mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị T (Nguyễn Thị Hồng T)** (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **Hà Thị Kim T1**, sinh năm 1958 (vắng mặt – có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

2/ Bà **Lý Hoàng M**, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau: Theo đơn khởi kiện ngày 21/12/2017, trong quá trình giải quyết vụ án bà **Nguyễn Thị B** trình bày:

Bà Nguyễn Thị T có nhờ bà vay dùm 03 lần:

Lần 1: Vào ngày 19/01/2016 âl, bà lấy tiền của bà Hà Thị Kim T1, sinh năm 1958, địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 70.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng.

Lần 2: Vào ngày 24/11/2016 âl, bà lấy tiền của bà Lý Hoàng M, sinh năm 1983, địa chỉ: ấp C, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 70.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng.

Lần 3: Vào ngày 15/01/2017 âl, bà lấy tiền của bà Hà Thị Kim T1, sinh năm 1958, địa chỉ: Ấp c, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 70.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng.

Tổng cộng 03 lần vay, số tiền là 20.000.000 đồng, lãi suất 1.400.000 đồng/tháng.

Kể từ ngày 19/10/2016 âl đến nay bà T chỉ đóng lãi cho bà 03 lần, lần 1 là 350.000 đồng, lần 2 là 700.000 đồng, lần 3 là 350.000 đồng. Tổng cộng là 1.400.000 đồng.

Nhiều lần bà B đến gặp bà T yêu cầu trả vốn và lãi cho bà nhưng bà T không trả.

Bà Nguyễn Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Buộc bà Nguyễn Thị T trả cho bà B số tiền 20.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị B trình bày: Bà B xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà B yêu cầu bà T trả số vốn vay 20.000.000 đồng, không yêu cầu bà T trả lãi theo quy định của nhà nước như đơn khởi kiện nữa.

Bị đơn bà **Nguyễn Thị T** (Nguyễn Thị Hồng T) trình bày: Theo đơn khởi kiện của bà B, yêu cầu bà T trả nợ cho bà B số tiền 20.000.000 đồng, bà T thừa nhận còn nợ bà B số tiền vốn vay là 20.000.000 đồng, phần tiền bà T đóng lãi cho bà B cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 19/01/2016 âl, bà lấy tiền của bà B số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 70.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng, bà T có đóng lãi cho bà B đến tháng 6/2017 là 08 tháng, số tiền đóng được là 2.800.000 đồng (năm 2017 có nhuận 02 tháng 6 âl).

Lần 2: Vào ngày 24/11/2016 âl, bà có vay của bà B số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 70.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng, bà T có đóng lãi cho bà B đến tháng 06/2017 là 08 tháng, số tiền đóng được là 2.800.000 đồng.

Lần 3: Vào ngày 15/01/2017 âl, bà có vay của bà B số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 70.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng, bà T có đóng lãi cho bà B được 06 tháng, số tiền đóng được là 4.200.000 đồng.

Nay bà T yêu cầu được trả dần số vốn vay cho bà B mỗi tháng 500.000 đồng, cho đến khi trả xong số vốn vay 20.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Lý Hoàng M** trình bày: Vào ngày 24/11/2016 âl, bà Nguyễn Thị T có đến gặp mẹ của bà (bà Nguyễn Thị B) để hỏi vay tiền, do hôm đó mẹ của bà bệnh đi lại không được, nên mẹ bà mới kêu bà lấy cho bà T vay 5.000.000 đồng, bà mới lấy 5.000.000 đồng đưa cho bà T. Bà T có viết Biên nhận đề ngày 24/11/2016 âl cho bà, nội dung là bà T có vay của bà 5.000.000 đồng, lãi mỗi tháng 350.000 đồng. Từ ngày cho vay đến nay, bà T trả lãi cho bà 5 lần (bà không nhớ cụ thể thời gian nào) lần 1: 350.000 đồng, lần 2: 350.000 đồng, lần 3: 100.000 đồng, lần 4: 150.000 đồng, lần 5: 200.000 đồng. Nay mẹ của bà khởi kiện bà T đòi số tiền vốn 5.000.000 đồng và tiền lãi nêu trên thì bà yêu cầu chuyển quyền khởi kiện của bà qua cho mẹ của bà khởi kiện. Bà cam kết sẽ không khiếu nại về sau. Việc bà B không yêu cầu bà T trả lãi, bà cũng đồng ý theo yêu cầu của bà B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Hà Thị Kim T1** trình bày: Vào ngày 19/10/2016 âl, bà có đưa cho bà B 5.000.000 đồng để bà B đem về cho bà T vay, lãi suất 7%/tháng, không có làm giấy tờ, không có người chứng kiến.

Vào ngày 15/01/2017 âl, bà có đưa cho bà B số tiền 10.000.000 đồng để bà B cho bà T vay, lãi suất 7%/tháng, không có làm giấy tờ, không có người chứng kiến.

Số tiền vốn vay theo đơn khởi kiện của bà B là do bà B giao dịch với bà T chứ bà không có trực tiếp cho bà T vay. Từ ngày bà đưa tiền cho bà B thì bà B có giao lại cho bà được 03 tháng lãi với số tiền là 3.150.000 đồng.

Việc giao dịch cho vay và làm giấy tờ giữa bà B và bà T như thế nào bà không biết. Nhưng bà có nghe bà B cho bà T vay cũng với lãi suất 7%/tháng. Số nợ giữa bà với bà B thì giữa 02 hai bên tự giải quyết, còn việc bà B khởi kiện yêu cầu bà T là việc giữa bà B và bà T, bà không có liên quan. Bà đồng ý cho bà B khởi kiện đòi bà T số tiền 15.000.000 đồng và tiền lãi như yêu cầu khởi kiện của bà B.

Tại phiên tòa, **Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách** phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng

đúng theo quy định của pháp luật, việc xác định đương sự và quan hệ pháp luật đang tranh chấp là chính xác, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đúng thành phần, các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án: Giữa nguyên đơn và bị đơn thống nhất với nhau về số tiền vốn vay là 20.000.000 đồng. Do đó, nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 20.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện nhưng có thay đổi yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Nguyễn Thị T (Nguyễn Thị Hồng T) và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị Kim T1 vắng mặt (bà T1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt), nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà T và bà T1 tại phiên tòa hôm nay.

[1.2] Theo đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị B có yêu cầu bà T trả lãi của số vốn vay 20.000.000 đồng theo quy định của pháp luật, tại phiên tòa bà B có thay đổi yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu tính lãi của số vốn vay 20.000.000 đồng theo quy định của pháp luật. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện (không tính lãi theo quy định của pháp luật) của bà B là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, nhằm có lợi cho bà T, từ đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu thay đổi việc không yêu cầu tính lãi của số vốn vay 20.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị B.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về vốn vay: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B và bị đơn bà Nguyễn Thị T thống nhất có giao dịch Hợp đồng vay tài sản với nhau với số vốn vay mà bị đơn còn nợ của nguyên đơn là 20.000.000 đồng. Do các bên đã thừa nhận có Hợp đồng vay tài sản với nhau nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Hợp đồng vay tài sản giữa bà B và bà T được lập trên cơ sở tự nguyện của các bên, không trái đạo đức xã hội, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, khi giao kết hợp đồng phía bà B và bà T đều là những người có đủ năng lực hành vi dân sự. Việc bà B yêu cầu bà T trả lại 20.000.000 đồng vốn đã vay là có căn cứ, nên Hội

đồng xét xử cần áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B, buộc bà T có trách nhiệm trả cho bà B số tiền vốn 20.000.000 đồng đã vay.

[2.2] Xét việc bà T có yêu cầu trả dần 500.000 đồng mỗi tháng cho bà B, nhưng bà B không chấp nhận, với yêu cầu này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng xét xử mà thuộc lĩnh vực thi hành án, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Qua nội dung đề nghị của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B, buộc bà Nguyễn Thị T trả cho bà B 20.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí tòa án, bà Nguyễn Thị T (Nguyễn Thị Hồng T) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 20.000.000 đồng x 5% = 1.000.000 đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 26, 35, 147, 228, 244, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, về án phí, lệ phí Tòa án năm 2016;
- Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T (Nguyễn Thị Hồng T) trả tiền vốn gốc nợ vay 20.000.000 đồng. Buộc bà Nguyễn Thị T (Nguyễn Thị Hồng T) có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền vốn vay **20.000.000 đồng** (Hai mươi triệu đồng)

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Thị B có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Nguyễn Thị T (Nguyễn Thị Hồng T) còn phải trả lãi cho bà B theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 1.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị T (Nguyễn Thị Hồng T) phải chịu là **1.000.000 đồng** (Một triệu đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Sóc Trăng
- VKS -THA cùng cấp
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Lệ Thúy